

# CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 35

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Hữu Phước	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Tam	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bốn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/3/2023
Ông Phạm Xuân Trụ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05//2023

**Ban kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thế Hùng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Lan	Thành viên
Ông Võ Hồng Quân	Thành viên

**Ban Giám đốc**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Hồ Hữu Phước	Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Phú	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Hồ Hữu Phước, Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

## CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Hồ Hữu Phước**  
**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số: 331/2023/BCSX-E.AFA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2023-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIETNAM**

*Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2023*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.948.411.540</b>	<b>53.567.391.018</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>9.228.903.926</b>	<b>14.073.803.965</b>
1. Tiền	111		4.457.314.252	5.412.013.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.771.589.674	8.661.790.512
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.4</b>	<b>1.747.785.600</b>	<b>1.321.297.720</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.224.358.606	2.224.358.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(476.573.006)	(903.060.886)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.775.365.709</b>	<b>33.636.266.205</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	28.140.690.527	29.234.399.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	5.231.404.584	1.526.816.095
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.981.976.259	3.010.001.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(578.705.661)	(134.950.956)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.983.514.620</b>	<b>4.476.296.026</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.8	13.983.514.620	4.476.296.026
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.212.841.685</b>	<b>59.727.102</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	639.450.601	19.510.234
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		519.853.948	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	53.537.136	40.216.868
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.730.058.563</b>	<b>9.774.961.863</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>245.797.500</b>	<b>2.438.356</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	245.797.500	2.438.356
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.128.031.692</b>	<b>8.942.431.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	9.128.031.692	8.942.431.534
Nguyên giá	222		17.956.178.119	17.549.212.379
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.828.146.427)	(8.606.780.845)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>662.342.364</b>	<b>35.301.273</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	662.342.364	35.301.273
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>333.331.429</b>	<b>333.331.429</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.4	333.331.429	333.331.429
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>360.555.578</b>	<b>461.459.271</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	360.555.578	461.459.271
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>72.678.470.103</b>	<b>63.342.352.881</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.454.897.226</b>	<b>49.986.468.709</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.320.865.946</b>	<b>48.255.711.560</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	15.617.182.184	18.014.883.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	3.603.665.617	2.877.199.934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	183.005.524	1.031.112.558
4. Phải trả người lao động	314		2.570.500.061	4.099.219.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	2.068.891.504	372.525.487
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.717.371.830	3.360.478.702
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	30.597.574.988	16.994.568.156
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	138.494.442	340.855.149
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		824.179.796	1.164.868.188
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.134.031.280</b>	<b>1.730.757.149</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	1.065.403.341	729.383.341
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.17	1.068.627.939	1.001.373.808
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.223.572.877</b>	<b>13.355.884.172</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.19</b>	<b>12.223.572.877</b>	<b>13.355.884.172</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.916.544.618	3.916.544.618
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		343.153.361	343.153.361
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.316.125.102)	(1.183.813.807)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(1.183.813.807)	719.600.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.132.311.295)	(1.903.413.807)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>72.678.470.103</b>	<b>63.342.352.881</b>



Hồ Hữu Phước  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân  
Người lập



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	21.843.764.882	29.500.143.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.843.764.882	29.500.143.716
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.217.995.526	28.191.214.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.625.769.356	1.308.929.611
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	168.064.496	1.612.193.480
7. Chi phí tài chính	22	5.4	533.991.107	1.206.667.180
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		960.282.659	698.787.005
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.452.741.237	1.520.094.691
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.192.898.492)	194.361.220
12. Thu nhập khác	31	5.6	366.902.480	112.904.656
13. Chi phí khác	32	5.7	162.048.988	11.156.431
14. Lợi nhuận khác	40		204.853.492	101.748.225
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(988.045.000)	296.109.445
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	144.266.295	117.454.303
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.132.311.295)	178.655.142
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	(1.101)	174
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	(1.101)	174



Hồ Hữu Phước  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân  
Người lập

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 03a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		23.150.916.675	25.474.171.050
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(32.817.315.328)	(37.169.122.073)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.059.461.886)	(4.998.729.931)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(978.842.311)	(724.260.640)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(144.266.295)	(67.410.795)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.750.434.398	4.535.777.179
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.968.551.023)	(6.956.064.004)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(18.067.085.770)</b>	<b>(19.905.639.214)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(916.420.558)	(1.040.580.406)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		28.333.643	36.363.636
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.378.097.142
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		171.245.814	1.606.239.456
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(716.841.101)</b>	<b>1.980.119.828</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	32.312.092.304	32.273.126.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(18.373.065.472)	(11.507.751.385)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>13.939.026.832</b>	<b>20.765.374.815</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(4.844.900.039)</b>	<b>2.839.855.429</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.073.803.965	3.814.093.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>9.228.903.926</b>	<b>6.653.949.159</b>



Hồ Hữu Phước  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân  
Người lập

# CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam) được cổ phần hóa theo Quyết định 03QĐ/XLĐ 3.4-HĐQT ngày 28/02/2006. Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900574674 ngày 17 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 23 tháng 03 năm 2020.

Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 10.280.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 68 (31 tháng 12 năm 2022 là: 72).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê;

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### 3.4. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2023</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

**3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích quản trị được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.10. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.12. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

**3.15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### **3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.19. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động xây lắp: 10%;
- Các dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là xây lắp các công trình điện và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam.

### **3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	276.222.299	62.672.293
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.181.091.953	5.349.341.160
Các khoản tương đương tiền (*)	4.771.589.674	8.661.790.512
<b>Cộng</b>	<b>9.228.903.926</b>	<b>14.073.803.965</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng.

Toàn bộ các khoản tương đương tiền đang được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An.

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	13.963.277.732	11.444.224.257
Công ty Cổ phần Long Việt	-	1.431.279.922
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Sao Vàng	695.368.945	130.918.000
Ban Quản lý dự án lưới điện	11.522.809.137	13.083.251.394
Các đối tượng khác	1.959.234.713	3.144.725.685
<b>Cộng</b>	<b>28.140.690.527</b>	<b>29.234.399.258</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	13.963.277.732	11.444.224.257

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HK	942.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Trường Thịnh	1.622.060.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thành An	-	250.017.000
Công ty TNHH Đầu tư XD và DVTM Thái An	-	354.970.366
Nguyễn Văn Lực	336.817.282	316.517.282
Các đối tượng khác	830.527.302	605.311.447
<b>Cộng</b>	<b>5.231.404.584</b>	<b>1.526.816.095</b>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.500.000.000	-

## CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

#### 4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư cổ phiếu:						
Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	(2.259.352)	752.500	3.011.852	(2.500.152)	511.700
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.221.346.754	(474.313.654)	1.747.033.100	2.221.346.754	(900.560.734)	1.320.786.020
<b>Cộng</b>	<b>2.224.358.606</b>	<b>(476.573.006)</b>	<b>1.747.785.600</b>	<b>2.224.358.606</b>	<b>(903.060.886)</b>	<b>1.321.297.720</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Sông Ba	333.331.429		805.000.000	333.331.429		796.250.000
<b>Cộng</b>	<b>333.331.429</b>		<b>805.000.000</b>	<b>333.331.429</b>	-	<b>796.250.000</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Ba trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.567.441.368	-	2.393.246.600	-
Phải thu bảo hiểm	155.566.827	-	107.006.289	-
Lãi dự thu	8.456.572	-	11.637.890	-
Phải thu khác	918.658.113	-	498.111.029	-
Ký cược, ký quỹ	331.853.379	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.981.976.259</b>	<b>-</b>	<b>3.010.001.808</b>	<b>-</b>

**4.6. Phải thu dài hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	245.797.500	-	2.438.356	-
<b>Cộng</b>	<b>245.797.500</b>	<b>-</b>	<b>2.438.356</b>	<b>-</b>

**4.7. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.085.627.565	506.921.904	134.950.956	-
<b>Cộng</b>	<b>1.085.627.565</b>	<b>506.921.904</b>	<b>134.950.956</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản công nợ này đã phát sinh từ các năm trước nhưng không thu hồi được.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban QLDA Công trình điện miền Bắc	28.627.148	-	28.627.148	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Á	78.647.808	-	78.647.808	-
Tổng công ty xây dựng điện - chi nhánh miền Bắc	624.924.700	312.462.350	-	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hoàng Phương Tùng	167.833.909	83.916.954	-	-
Công ty Sao Vàng	130.918.000	91.642.600	-	-
Công ty cổ phần vận tải PVD	27.000.000	18.900.000	-	-
Các đối tượng khác	27.676.000	-	27.676.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.085.627.565</b>	<b>506.921.904</b>	<b>134.950.956</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.8. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.059.993.220	-	731.403.753	-
Công cụ, dụng cụ	4.713.305	-	17.352.283	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.918.808.095	-	3.727.539.990	-
<b>Cộng</b>	<b>13.983.514.620</b>	<b>-</b>	<b>4.476.296.026</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	504.406.946	6.180.942
Chi phí bảo hiểm	23.597.514	-
Chi phí sửa chữa	5.341.792	-
Các khoản khác	106.104.349	13.329.292
<b>Cộng</b>	<b>639.450.601</b>	<b>19.510.234</b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	251.424.548	279.841.613
Chi phí sửa chữa	109.131.030	181.617.658
<b>Cộng</b>	<b>360.555.578</b>	<b>461.459.271</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tài truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	5.845.976.154	6.183.618.171	5.432.224.418	87.393.636	17.549.212.379
Mua trong kỳ	-	289.379.467	-	-	289.379.467
Đầu tư XDCB hoàn thành	355.666.273	-	-	-	355.666.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(238.080.000)	-	-	(238.080.000)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>6.201.642.427</b>	<b>6.234.917.638</b>	<b>5.432.224.418</b>	<b>87.393.636</b>	<b>17.956.178.119</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	2.458.717.970	3.217.280.945	2.879.517.566	51.264.364	8.606.780.845
Khấu hao trong kỳ	131.837.094	156.072.736	167.521.388	4.014.364	459.445.582
Thanh lý, nhượng bán	-	(238.080.000)	-	-	(238.080.000)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>2.590.555.064</b>	<b>3.135.273.681</b>	<b>3.047.038.954</b>	<b>55.278.728</b>	<b>8.828.146.427</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	3.387.258.184	2.966.337.226	2.552.706.852	36.129.272	8.942.431.534
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>3.611.087.363</b>	<b>3.099.643.957</b>	<b>2.385.185.464</b>	<b>32.114.908</b>	<b>9.128.031.692</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.394.405.091 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.398.570.553 VND.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	-	2.194.414.651	3.186.615.533	-	992.200.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.591.763	-	144.266.295	144.266.295	7.591.763	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.945.373	-	28.706.178	42.026.446	32.625.105	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	145.631.199	145.631.199	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	37.374.325	48.329.948	49.867.299	-	38.911.676
<b>Cộng</b>	<b>53.537.136</b>	<b>183.005.524</b>	<b>2.564.348.271</b>	<b>3.425.775.573</b>	<b>40.216.868</b>	<b>1.031.112.558</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng, sửa chữa bờ rào và cổng Công ty Xe ô tô tải	-	35.301.273
	662.342.364	-
<b>Cộng</b>	<b>662.342.364</b>	<b>35.301.273</b>

**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	126.640.869	126.640.869	126.640.869	126.640.869
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin	-	-	17.695.652	17.695.652
Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp và Thương mại Phú Minh	716.964.835	716.964.835	954.325.288	954.325.288
Công ty TNHH Vinh Lan Nghệ An	330.407.294	330.407.294	1.555.729.399	1.555.729.399
Công ty CP dầu khí Đông Đô	4.008.586.109	4.008.586.109	7.690.464.896	7.690.464.896
Công ty TNHH TM & XDTH Trung Kiên	1.094.103.342	1.094.103.342	2.428.457.817	2.428.457.817
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	68.594.957	68.594.957	118.594.957	118.594.957
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Phương	3.325.707.516	3.325.707.516	-	-
Các đối tượng khác	5.946.177.262	5.946.177.262	5.122.974.980	5.122.974.980
<b>Cộng</b>	<b>15.617.182.184</b>	<b>15.617.182.184</b>	<b>18.014.883.858</b>	<b>18.014.883.858</b>
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	68.594.957	68.594.957	118.594.957	118.594.957

**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.634.224	1.593.161.596
Ban QLDA Phát triển điện lực	2.675.959.436	-
Ban QLDA Xây dựng điện miền Bắc	-	463.603.581
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	802.161.649	802.161.649
Các đối tượng khác	109.910.308	18.273.108
<b>Cộng</b>	<b>3.603.665.617</b>	<b>2.877.199.934</b>
Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	817.795.873	2.395.323.245

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí công trình	2.012.159.840	334.845.795
Chi phí lãi tiền vay	31.731.664	20.179.692
Phí kiểm toán	25.000.000	17.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.068.891.504</b>	<b>372.525.487</b>

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	90.664.092	120.168.216
Phải trả lãi vay cá nhân	92.346.228	122.457.852
Phải trả khác	2.534.361.510	3.117.852.634
<b>Cộng</b>	<b>2.717.371.830</b>	<b>3.360.478.702</b>
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	11.825.753	26.704.111

**4.17. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	138.494.442	340.855.149
<b>Cộng</b>	<b>138.494.442</b>	<b>340.855.149</b>
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.068.627.939	1.001.373.808
<b>Cộng</b>	<b>1.068.627.939</b>	<b>1.001.373.808</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nghệ An (i)	30.405.954.990	30.405.954.990	31.898.492.304	18.207.305.474	16.714.768.160	16.714.768.160
+ Bà Phùng Thị Thu	950.000.000	950.000.000	26.849.492.304	16.271.751.914	14.779.214.600	14.779.214.600
+ Ông Hồ Hữu Phước	-	-	-	727.800.000	727.800.000	727.800.000
+ Bà Lê Thị Kiều Oanh	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
+ Bà Hồ Thị Khánh Vân	1.199.000.000	1.199.000.000	1.199.000.000	707.753.560	707.753.560	707.753.560
+ Bà Lê Thị Hương	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Thế Tam	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	191.619.998	191.619.998	51.720.000	139.899.998	279.799.996	279.799.996
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nghệ An (ii)	80.000.000	80.000.000	-	80.000.000	160.000.000	160.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An (iii)	59.899.998	59.899.998	-	59.899.998	119.799.996	119.799.996
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iv)	51.720.000	51.720.000	51.720.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.597.574.988</b>	<b>30.597.574.988</b>	<b>31.950.212.304</b>	<b>18.347.205.472</b>	<b>16.994.568.156</b>	<b>16.994.568.156</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng
- Vay dài hạn	1.065.403.341	1.065.403.341	413.600.000	77.580.000	729.383.341	729.383.341
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nghệ An (ii)	360.000.000	360.000.000	-	-	360.000.000	360.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	369.383.341	369.383.341	-	-	369.383.341	369.383.341
- Chi nhánh Nghệ An (iii)						
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iv)	336.020.000	336.020.000	413.600.000	77.580.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.065.403.341</b>	<b>1.065.403.341</b>	<b>413.600.000</b>	<b>77.580.000</b>	<b>729.383.341</b>	<b>729.383.341</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.662.978.329</b>	<b>31.662.978.329</b>	<b>32.363.812.304</b>	<b>18.424.785.472</b>	<b>17.723.951.497</b>	<b>17.723.951.497</b>
Trong đó, vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.199.000.000	1.199.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Nghệ An theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày	Giá trị vay	Thời gian vay	Lãi suất	Mục đích vay
24/TDDN23-NAN,KHBL	17/01/2023	6.185.896.977	265 ngày	9,80%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
50/TDDN23 NAN,KHBL	21/02/2023	402.000.000	265 ngày	9,80%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
55/TDDN23 NAN,KHBL	24/02/2023	2.406.777.803	265 ngày	9,80%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
144/TDDN23 NAN,KHBL	17/04/2023	1.328.223.835	265 ngày	9,00%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
158/TDDN23 NAN,KHBL	25/04/2023	1.000.000.000	265 ngày	9,00%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
166/TDDN23 NAN,KHBL	27/04/2023	659.475.611	178 ngày	8,30%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
181/TDDN23 NAN,KHBL	12/05/2023	1.519.801.551	178 ngày	8,00%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
192/TDDN23 NAN,KHBL	16/05/2023	6.450.000.000	178 ngày	8,00%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
229/TDDN23 NAN,KHBL	16/06/2023	4.064.060.000	178 ngày	8,00%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình
244/TDDN23 NAN,KHBL	27/06/2023	2.833.256.527	178 ngày	7,50%	Thanh toán phí vốn lưu động phục vụ thi công, xây dựng công trình

## CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vay dài hạn các Ngân hàng theo từng hợp đồng cụ thể:

- (ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 22/TDDN21-NAN.KHBL ngày 15/01/2021. Số tiền cho vay 800.000.000 VND, thời gian vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để mua xe ô tô con Mitsubishi Pajero. Lãi suất cho vay cố định 8,4%/năm cho 2 năm đầu, sau 2 năm áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả lãi sau của VCB cộng 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An số 81/2022/HETD/NGA/01 ngày 19/01/2022. Số tiền vay 599.000.000 VND, thời gian cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để mua xe ô tô nhãn hiệu NISSAN phục vụ mục đích đi lại của Công ty. Lãi suất cho vay năm đầu là 8,3%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng Lãi suất cơ sở cho vay mua ô tô dành cho Khách hàng doanh nghiệp của TPBank trong từng thời kỳ cộng biến độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cho vay từng lần số NAN/23026 ngày 30/3/2023. Số tiền vay là 413.600.000 VND, thời gian cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô tải có mui hiệu KAMAZ. Lãi suất cho vay năm đầu là 12,9%, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/ lần và cộng biến độ 4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	10.280.000.000	289.106.293	3.916.544.618	1.080.941.347	15.566.592.258
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	178.655.142	178.655.142
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	54.047.068	-	(54.047.068)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(307.294.279)	(307.294.279)
Số dư tại ngày 30/06/2022	10.280.000.000	343.153.361	3.916.544.618	898.255.142	15.437.953.121
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(2.082.068.949)	(2.082.068.949)
Số dư tại ngày 01/01/2023	10.280.000.000	343.153.361	3.916.544.618	(1.183.813.807)	13.355.884.172
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(1.132.311.295)	(1.132.311.295)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>343.153.361</b>	<b>3.916.544.618</b>	<b>(2.316.125.102)</b>	<b>12.223.572.877</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	5.626.020.000	5.626.020.000
Vốn góp của các cổ đông khác	4.653.980.000	4.653.980.000
<b>Cộng</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>10.280.000.000</b>

**4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	10.280.000.000	10.280.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 30/06</b>	<b>10.280.000.000</b>	<b>10.280.000.000</b>

**4.19.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.028.000	1.028.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.028.000	1.028.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.028.000	1.028.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.028.000	1.028.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.028.000	1.028.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**4.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.132.311.295)	178.655.142
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	(1.132.311.295)	178.655.142
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.028.000	1.028.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.101)</b>	<b>174</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.19.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.132.311.295)	178.655.142
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.132.311.295)</u>	<u>178.655.142</u>
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.028.000	1.028.000
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.028.000	1.028.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(1.101)</u></b>	<b><u>174</u></b>

**4.20. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	3.916.544.618	343.153.361
Trích trong kỳ	-	-
Chi trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b><u>3.916.544.618</u></b>	<b><u>343.153.361</u></b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.471.764.878	29.153.780.084
Doanh thu dịch vụ khác	372.000.004	346.363.632
<b>Cộng</b>	<b><u>21.843.764.882</u></b>	<b><u>29.500.143.716</u></b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 7	11.454.778.148	2.913.299.240

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây lắp	20.093.924.428	28.001.460.271
Giá vốn dịch vụ khác	124.071.098	189.753.834
<b>Cộng</b>	<b><u>20.217.995.526</u></b>	<b><u>28.191.214.105</u></b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	133.064.496	40.040.621
Lãi bán chứng khoán	-	1.572.152.859
Lãi từ cổ tức	35.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>168.064.496</b>	<b>1.612.193.480</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(426.487.880)	-
Chi phí lãi vay	960.282.659	698.787.005
Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	501.848.100
Chi phí tài chính khác	196.328	6.032.075
<b>Cộng</b>	<b>533.991.107</b>	<b>1.206.667.180</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	816.833.037	1.094.997.296
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.481.090	14.389.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	137.318.826	111.004.419
Thuế, phí, lệ phí	30.223.547	74.647.974
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	443.754.705	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.379.222	13.535.455
Chi phí bằng tiền khác	595.750.810	211.519.953
<b>Cộng</b>	<b>2.452.741.237</b>	<b>1.520.094.691</b>

**5.6. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	294.581.676	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	28.333.643	36.363.636
Thu nhập khác	43.987.161	76.541.020
<b>Cộng</b>	<b>366.902.480</b>	<b>112.904.656</b>

**5.7. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	51.385.948	-
Chi phí khác	110.663.040	11.156.431
<b>Cộng</b>	<b>162.048.988</b>	<b>11.156.431</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.093.838.470	21.936.833.546
Chi phí nhân công	3.025.473.210	5.921.984.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	459.445.582	455.233.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.347.782.744	25.298.499.618
Chi phí khác bằng tiền	1.935.464.862	2.329.173.602
<b>Cộng</b>	<b>23.862.004.868</b>	<b>55.941.723.825</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(988.045.000)	296.109.445
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	884.474.535	291.162.068
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	-	30.062
- <i>Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác</i>	51.385.948	6.900.000
- <i>Lương thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	34.000.000	30.000.000
- <i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	799.088.587	254.232.006
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	35.000.000	-
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	35.000.000	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(138.570.465)	587.271.513
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>144.266.295</b>	<b>117.454.303</b>

**Trong đó:**

- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này</i>	-	117.454.303
- <i>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	144.266.295	-

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	32.312.092.304	32.273.126.200
<b>Cộng</b>	<b>32.312.092.304</b>	<b>32.273.126.200</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	18.373.065.472	11.507.751.385
<b>Cộng</b>	<b>18.373.065.472</b>	<b>11.507.751.385</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đồng Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3
3. HĐQT và Ban Giám đốc
4. Bà Hồ Thị Khánh Vân

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ  
 Chung Công ty mẹ  
 Nhân sự quản lý chủ chốt  
 Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Phải thu:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	13.963.277.732	11.444.224.257
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>13.963.277.732</b>	<b>11.444.224.257</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Trả trước người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.500.000.000	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	68.594.957	118.594.957
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.13</b>	<b>68.594.957</b>	<b>118.594.957</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	802.161.649	802.161.649
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.634.224	1.593.161.596
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.14</b>	<b>817.795.873</b>	<b>2.395.323.245</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Phải trả khác:		
Ông Hồ Hữu Phước	-	15.526.028
Ông Nguyễn Thế Tam	-	11.178.083
Bà Hồ Thị Khánh Vân	11.825.753	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.16</b>	<b>11.825.753</b>	<b>26.704.111</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn:		
Ông Hồ Hữu Phước	-	300.000.000
Ông Nguyễn Thế Tam	-	200.000.000
Bà Hồ Thị Khánh Vân	1.199.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.18</b>	<b>1.199.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	11.454.778.148	2.913.299.240
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>11.454.778.148</b>	<b>2.913.299.240</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	289.379.467	-
<b>Cộng</b>	<b>289.379.467</b>	<b>-</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vay và nợ thuê tài chính:		
Ông Hồ Hữu Phước	-	300.000.000
Ông Nguyễn Thế Tam	-	200.000.000
Bà Hồ Thị Khánh Vân	1.199.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.199.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả nợ gốc vay		
Ông Hồ Hữu Phước	300.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Tam	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	18.000.000
Hồ Hữu Phước	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Bốn	Thành viên HĐQT	6.000.000	12.000.000
Nguyễn Thế Tam	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Phạm Xuân Trụ	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
Nguyễn Thế Hùng	Trưởng ban kiểm soát	11.000.000	16.000.000
Trần Thị Thu Lan	Thành viên BKS	5.000.000	6.000.000
Võ Hồng Quân	Thành viên BKS	5.000.000	6.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Hồ Hữu Phước	Giám đốc	184.539.856	257.603.019
Nguyễn Ngọc Ân	Phó Giám đốc	123.613.948	179.810.381
Nguyễn Trung Phú	Phó Giám đốc	95.039.281	64.872.202
Nguyễn Thế Tam	Thành viên HĐQT	117.051.084	86.014.932
Trần Thị Thu Lan	Thành viên BKS	87.628.178	62.706.348
Võ Hồng Quân	Thành viên BKS	72.721.437	48.046.896

Cam kết bảo lãnh:

Ông Hồ Hữu Phước và bà Nguyễn Thị Mến đã dùng Quyền sử dụng đất của mình theo giấy chứng nhận số CH 442051 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương. Giá trị tài sản đảm bảo là 2.423.070.000 VND

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hồ Hữu Phước  
Giám đốc  
Nghệ An, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Nguyễn Thế Tam  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân  
Người lập